

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN E  
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ - ST

Ngày: 26/8/2022.

*“V/v: Kiện không công nhận là vợ chồng”.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN E**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Bích Thủy

*Các hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Võ Ánh Sứ

2. Bà Phạm Thị Thùy Dung

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Lê Hằng Nga - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện E.

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện E:** Ông Trịnh Văn Hai - Chức vụ Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 8 năm 2022 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân huyện E, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 223/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2022, về việc “Kiện không công nhận là vợ chồng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2022/QĐXXST-HNGĐ, ngày 22/7/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 48/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/8/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Trần Thị Ngọc O (tên gọi khác Trần Thị Kim O), sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn 2, xã S, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Bùi Xuân Th, sinh năm 1967; Địa chỉ: Thôn 2, xã Ea Sol, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Tại đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2022 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc O trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chung sống hạnh phúc được khoảng ba năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, ông Thảo không có trách nhiệm với gia đình nên mâu thuẫn trong gia đình thường xuyên xảy ra, tình cảm gia đình ngày càng phai nhạt. Nay cảm thấy không còn tình cảm với ông Thảo nên bà O yêu cầu Tòa án không công nhận bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th là vợ chồng.

Về con chung: Trong thời gian chung sống bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th có hai con chung là Bùi Ngọc Tuấn A, sinh năm 1998 và Bùi Ngọc Quốc B, sinh năm 1999.

Nếu Tòa án giải quyết không công nhận là vợ chồng, các con chung đã trưởng thành nên bà O không có yêu cầu gì về nuôi dưỡng con chung.

Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Bà O không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*\* Trong quá trình giải quyết vụ án, dù Tòa án đã nhiều lần triệu tập nhưng ông Bùi Xuân Th vẫn không tham gia tố tụng.*

\* Tại phiên tòa, nguyên đơn có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần 2 nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

*Phát biểu của Kiểm sát viên:*

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án thể hiện việc bà Trần Thị Ngọc O khởi kiện yêu cầu không công nhận là vợ chồng là đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 53; khoản 1 Điều 56; Điều 14, 15, 16 và Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc O về việc không công nhận là vợ chồng với ông Bùi Xuân Th.

Về con chung: Các con chung đã trưởng thành nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th tự nguyện về chung sống với nhau nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống, bà O và ông Thảo xảy ra nhiều mâu thuẫn, bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà O và ông Thảo là vợ chồng. Việc Tòa án huyện E thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 1 Điều 14, Điều 15, khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình.

Bị đơn ông Bùi Xuân Th đã được Tòa án đã triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ 2, nhưng ông Bùi Xuân Th vẫn vắng mặt không có lý do. Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc O có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án không tiến hành hòa giải được và tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th chung sống với nhau từ năm 1997 trên cơ sở tự nguyện nhưng ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Trong quá trình chung sống với nhau xảy ra mâu thuẫn nên bà O yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận bà O và ông Thảo là vợ chồng.

Hội đồng xét xử nhận thấy: Bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th tự nguyện về chung sống với nhau từ năm 1997 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật nên không được coi là hôn nhân hợp pháp. Xét yêu cầu không công nhận vợ chồng của bà Trần Thị Ngọc O là phù hợp với Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, nên cần chấp nhận. Đối với ông Bùi Xuân Th, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhưng ông Bùi Xuân Th không tham gia tố tụng và không có ý kiến gì về yêu cầu của bà Trần Thị Ngọc O.

- Về con chung: Trong thời gian chung sống bà O và ông Thảo có hai người con chung là các cháu: Bùi Ngọc Tuấn Anh, sinh năm 1998 và Bùi Ngọc Quốc Anh, sinh năm 1999. Các con chung đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

[3] Về án phí: Cần buộc bà Trần Thị Ngọc O phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên:*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39; khoản 4 Điều 147 và điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14; khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Trần Thị Ngọc O. Không công nhận bà Trần Thị Ngọc O và ông Bùi Xuân Th là vợ chồng.

**Về con chung:** Các con chung đã trưởng thành, phát triển bình thường, các đương sự không có yêu cầu nên không đề cập xem xét, giải quyết.

**Về tài sản chung và nợ chung:** Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét, giải quyết.

**Về án phí:** Bà Trần Thị Ngọc O phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, theo biên lai số 60AA/2021/0000935 ngày 03/6/2022.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Trần Thị Ngọc O, bị đơn ông Bùi Xuân Th có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày niêm yết bản án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- Viện KSND huyện E;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện E;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**  
Đã ký tên đóng dấu

**Nguyễn Thị Bích Thủy**